

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2019/HS-PT

Ngày: 24- 7 - 2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Tuấn;**

Các Thẩm phán: Ông **Phạm Tồn;**

Ông **Nguyễn Cường.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thanh Thủy**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Đặng Thọ Định** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 24 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 134/TLPT-HS ngày 05 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo: **Y và đồng phạm** về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” và “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2019/HS-ST ngày 23/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 720/2019/QĐXXPT-HS ngày 09 tháng 7 năm 2019.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Y; Tên gọi khác: Y; sinh ngày 05 tháng 11 năm 1994 tại tỉnh Kon Tum; Nơi cư trú: huyện N, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Triêng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông A T, sinh năm 1962 và bà Y B, sinh năm 1966; gia đình bị cáo có 05 chị em, bị cáo là con út; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24 tháng 08 năm 2018 cho đến nay. (Có mặt).

2. Lương Thị T; tên gọi khác: Không; sinh ngày 01 tháng 03 năm 1994 tại tỉnh Thanh Hóa. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tỉnh Quảng Nam; Nơi cư trú: huyện N, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Thái; giới

tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn T, sinh năm 1971 và bà Vi Thị U, sinh năm 1971, gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai, có chồng là Nguyễn Tấn B, sinh năm 1989 và 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24 tháng 8 năm 2018 cho đến nay. (Có mặt).

Người bào chữa cho các bị cáo: Ông Tạ Văn N - Luật sư văn phòng luật sư S thuộc Đoàn luật sư tỉnh Kon Tum. Địa chỉ: tỉnh Kon Tum. (Có mặt).

Ngoài ra trong vụ án còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 22 tháng 08 năm 2018, Y, tên gọi khác: Y (*sinh năm 1994, trú tại xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum*) từ phòng 307, khách sạn P, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum điều khiển xe mô tô đến quán cà phê H, thị trấn P, huyện N uống cà phê. Tại đây, Y gặp đối tượng nam giới tên C (*chưa xác định được nhân thân, lai lịch*) đang uống cà phê tại quán. Đối tượng C chủ động sang bàn cùng uống cà phê và lấy số điện thoại của Y. Sau khi uống cà phê, Y về phòng 307, khách sạn P nghỉ. Khoảng 22 giờ cùng ngày, C gọi điện rủ Y sang phòng 402, khách sạn P chơi. Tại đây, C đặt vấn đề thuê Y vận chuyển trái phép chất ma túy từ Lào vào Việt Nam để lấy tiền công 30.000.000 đồng. Do đang cần tiền tiêu xài nên Y đồng ý. C còn nhờ Y chuyển giúp số tiền 140.000.000 đồng cho một đối tượng nam giới Quốc tịch Lào ở tỉnh Attapur, Lào.

Sau khi đồng ý vận chuyển ma túy, Y về phòng 307, khách sạn P rủ Lương Thị T (*sinh năm 1994, trú tại tỉnh Quảng Nam*) cùng tham gia vận chuyển ma túy và thỏa thuận tiền công 30.000.000 đồng sẽ chia đôi mỗi người một nửa sau khi trừ chi phí vận chuyển. Do đang cần tiền tiêu xài nên T đồng ý.

Lúc 07 giờ ngày 23 tháng 08 năm 2018, Lương Thị T do không có hộ chiếu nên đi xe khách; còn Y điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 82E1-178.97 sang tỉnh Attapur, Lào. Đến Km 100, tỉnh Attapur thì Y gặp T. Y điều khiển xe mô tô chở T đến thị trấn Attapur thuê phòng nghỉ.

Khoảng 18 giờ cùng ngày, một đối tượng nam giới người Lào gọi điện cho Y hỏi địa điểm hai bị cáo đang thuê phòng trọ. Một lúc sau, đối tượng này đem theo 03 gói ma túy gồm 367 viên nén và một ít ma túy dạng đá đến phòng trọ của hai bị cáo. Khi gặp đối tượng người Lào, Y và T đưa cho người này số tiền 140.000.000 đồng mà đối tượng tên C nhờ đưa giúp. Sau khi nhận tiền, đối tượng này nhờ Y và T đem đổi được 52.100.000 kíp Lào. Đối tượng này lấy 50.000.000 kíp, còn 2.100.000 kíp cho Y

và T sử dụng. Đối với 03 gói ma túy gồm 367 viên nén, đối tượng người Lào cho Y. Y đem cất giấu và vận chuyển về Việt Nam mục đích để sử dụng cho bản thân. Đối với số ma túy đá, cả 03 đối tượng sử dụng hết. Sau khi sử dụng ma túy, đối tượng người Lào đi khỏi phòng trọ.

Khoảng 21 giờ cùng ngày, đối tượng người Lào gọi điện cho Y thông báo, chỉ dẫn địa điểm giao nhận ma túy để vận chuyển về Việt Nam. Theo chỉ dẫn của đối tượng này, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 82E1-178.97 chở Y đi về hướng tỉnh Xê Kông. Khi cách thị trấn Attapur khoảng 20 km thì phát hiện có 02 đối tượng nam giới người Lào đi xe mô tô theo sau xe của T và Y. Người nam giới ngồi phía sau đưa cho Y một túi màu đen chứa ma túy dạng đá. Sau khi nhận được ma túy, do trời tối và mưa không thể về thị trấn Attapur nên hai bị cáo thuê phòng trọ bên đường nghỉ qua đêm.

Đến 05 giờ sáng ngày 24/08/2018, Y và T về phòng trọ tại thị trấn Attapur thu dọn đồ đạc rồi về Việt Nam bằng xe mô tô biển kiểm soát 82E1-17897. Trên đường đi, Y và T thay nhau điều khiển xe mô tô và cất giữ gói ma túy dạng đá. Đối với 03 gói ma túy dạng viên nén được Y cất giữ trong túi áo khoác màu đen. Khi cả hai về đến Km 100, tỉnh Attapur do đường khó đi, nhận định có thể phải bỏ cả hành lý và xe mô tô lại chỉ đem ma túy về nên Y nói T lấy hết đồ trong túi xách màu trắng để dùng túi xách này cất giấu gói ma túy dạng đá rồi cả hai tiếp tục về Việt Nam bằng xe mô tô. Khi về gần đến cửa khẩu Lào, do T không có hộ chiếu, nên xuống xe đi bộ. Y tiếp tục điều khiển xe về Cửa khẩu Quốc tế B, N vào phòng chờ để hành lý có chứa ma túy trên ghế rồi quay xe lại đón T về cửa khẩu B. Khi về đến cửa khẩu B, hai bị cáo đi vào khu vực làm thủ tục nhập cảnh. Lúc này, Y nói với T đi vào nơi để hành lý trong phòng chờ lấy 03 gói ma túy dạng viên nén được đối tượng người Lào cho đang để ở túi áo khoác màu đen của Y đem vứt đi. T đi vào lấy áo khoác sờ vào túi áo thấy có ma túy nên sợ liền đi ra. Y thấy vậy đi vào lấy 03 gói ma túy từ trong túi áo khoác màu đen và đưa cho T 02 gói, còn 01 gói Y giấu vào túi quần bên trái. Nhận 02 gói ma túy từ Y, T đem giấu ở giấu quần bên trái. Đối với gói ma túy dạng đá vẫn được Y cất giấu trong chiếc túi xách màu trắng.

Lúc 12 giờ 30 phút cùng ngày, Tổ công tác của Trạm kiểm soát biên phòng – Đồn biên phòng cửa khẩu Quốc tế B phối hợp với Chi cục hải quan cửa khẩu Quốc tế B tiến hành kiểm tra nhập cảnh đối với Y phát hiện, thu giữ trong túi xách màu trắng của Y có 01 túi nilong màu đen chứa các hạt tinh thể màu trắng được kết dính với nhau thành một khối, phát hiện trong túi quần bên trái của Y có 01 túi nilong màu trắng bên trong chứa 53 viên nén dạng hình tròn màu đỏ hồng và màu xanh (52 viên màu đỏ hồng, 01 viên màu xanh), trên mỗi viên có ký hiệu WY. Tổ công tác tiến hành niêm phong toàn bộ tang vật thu giữ của Y, có chữ ký của những người liên quan và chứng kiến gồm: Vũ Văn C, Y, Nguyễn Quang H (Bút lục: 09).

Tiến hành kiểm tra nhập cảnh đối với Lương Thị T; Tổ công tác phát hiện, thu giữ trong gấu quần bên trái của Lương Thị T có 02 túi nilong màu xanh, bên trong chứa 314 viên nén dạng hình tròn màu đỏ hồng và màu xanh (313 viên màu đỏ hồng, 01 viên màu xanh), trên mỗi viên có ký hiệu WY. Tổ công tác tiến hành niêm phong toàn bộ tang vật thu giữ của Lương Thị T, có chữ ký của những người liên quan và chứng kiến gồm: Vũ Văn C, Lương Thị T, Nguyễn Quang H. (Bút lục: 09).

Tại kết luận giám định số 91/GĐTP-2018 ngày 27/08/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kon Tum kết luận:

- Mẫu chất tinh thể màu trắng (ký hiệu M1.1) gói trong bì ni lông màu đen được niêm phong trong phong bì thứ nhất gửi giám định là ma túy, có khối lượng: **1012,6793 gam**, là loại: **Methamphetamine**.

- Mẫu viên nén, hình tròn, màu đỏ hồng và màu xanh, ký hiệu WY (ký hiệu M1.2) được niêm phong trong phong bì thứ nhất gửi giám định là ma túy, có khối lượng: **5,3632 gam**, là loại: **Methamphetamine**.

- Mẫu viên nén, hình tròn, màu đỏ hồng và màu xanh, ký hiệu WY (ký hiệu M2) được niêm phong trong phong bì thứ hai gửi giám định là ma túy, có khối lượng: **31,6421 gam**, là loại: **Methamphetamine**. (Bút lục: 17, 18).

Trong quá trình điều tra, Y và Lương Thị T khai nhận nguồn gốc 01 gói ma túy loại Methamphetamine dạng đá, khối lượng 1012,6793 gam là do Y và Lương Thị T cùng vận chuyển thuê từ Lào vào Việt Nam để lấy tiền công 30.000.000 đồng. Nguồn gốc 03 gói ma túy loại Methamphetamine dạng viên nén, gồm 367 viên, khối lượng 37,0053 gam Y khai là do đối tượng người Lào cho Y và Lương Thị T để sử dụng. Lương Thị T khai không chứng kiến việc đối tượng người Lào cho 03 gói ma túy, chỉ nghe Y nói. Việc cất giấu và vận chuyển số ma túy đối tượng người Lào cho về Việt Nam là do Y thực hiện. Khi làm thủ tục kiểm tra hành lý để nhập cảnh tại Cửa khẩu Quốc tế B, N do có quan hệ bạn bè với Y nên T đồng ý cất giấu giúp Y 02 gói ma túy gồm 314 viên nén, khối lượng 31,6421 gam.

Trong vụ án này, còn có đối tượng tên C ở N người bị cáo Y khai đã thuê bị cáo vận chuyển trái phép chất ma túy từ Lào vào Việt Nam với tiền công 30.000.000 đồng, đối tượng nam giới người Lào cho bị cáo Y ma túy, 02 đối tượng người Lào giao gói ma túy dạng đá để các bị cáo vận chuyển vào Việt Nam; Cơ quan điều tra đang tiếp tục truy tìm, làm rõ và xử lý sau.

Các vật chứng đã được thu giữ:

- 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 82E1-178.97, đã qua sử dụng.
- 01 (một) bảo hiểm xe mô tô biển kiểm soát 82E1-178.97.

- 01 (một) bảo hiểm xe mô tô biển kiểm soát 82U1-002.38.
- 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 82U1-002.38.
- 01 (một) cuốn hộ chiếu phổ thông số B710794 mang tên Y do Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 12/10/2012
- 01 (một) thẻ ngân hàng Vietcombank.
- 01 (một) thẻ ngân hàng Sacombank.
- 01 (một) chứng minh nhân dân số 206377756 mang tên Lương Thị T.
- 01 (một) giấy phép lái xe số 621185001835 mang tên Lương Thị T.
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone vỏ màu hồng, đã qua sử dụng.
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Vertu vỏ màu vàng, đã qua sử dụng.
- 01 (một) điện thoại di động hiệu FPT vỏ màu đen, đã qua sử dụng.
- 01 (một) điện thoại di động hiệu GIGI vỏ màu đen, đã qua sử dụng.
- 01 (một) điện thoại di động hiệu BUK vỏ màu vàng đen, đã qua sử dụng.
- 01 (một) điện thoại di động hiệu SamSung vỏ màu đen, đã qua sử dụng.
- 01 (một) túi xách màu trắng; 01 (một) ví da màu đen.
- 01 (một) con dao cán bằng kim loại dài 12cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 10cm.
- 01 (một) con dao cán bằng kim loại dài 10cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 08cm.
- Tiền Việt Nam 9.690.000 đồng đã nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước tỉnh, trong đó, thu giữ của Y: 3.110.000 đồng, thu giữ của Lương Thị T: 6.580.000 đồng.
- 01 (một) phong bì số 91/GDTP-2018 của Phòng kỹ thuật hình sự – Công an tỉnh Kon Tum.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2019/HS-ST ngày 23/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã quyết định:

Tuyên bố:

Các bị cáo Y (*Tên gọi khác; Y*), Lương Thị T phạm tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” và tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng: điểm b khoản 3 Điều 249; điểm b khoản 4 Điều 250; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 38; Điều 39 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Y tù chung thân về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” và 12 (*Mười hai*) năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Y phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 24 tháng 8 năm 2018.

Áp dụng: điểm b khoản 3 Điều 249; điểm b khoản 4 Điều 250; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 38; Điều 39 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Lương Thị T 20 (*Hai mươi*) năm tù về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” và 10 (*Mười*) năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Lương Thị T phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 30 (*Ba mươi*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 24 tháng 8 năm 2018.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng; án phí; quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/1/200 bị cáo Y và bị cáo Lương Thị T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có quan điểm các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, tàng trữ và vận chuyển chất ma túy với số lượng rất lớn, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an, xã hội. Mức hình phạt cấp sơ thẩm quyết định đối với các bị cáo là thỏa đáng, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo xác định hành vi phạm tội của các bị cáo là rõ ràng, tuy nhiên các bị cáo thành khẩn khai báo, nhân thân tốt, bản thân là phụ nữ có hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên đề nghị HĐXX giảm một phần hình phạt cho các bị cáo để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Y và Lương Thị T đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, truy tố. Do đó, có đủ căn cứ kết luận: Ngày 22/8/2018, Y đồng ý vận chuyển ma túy trái phép từ nước Lào về Việt Nam cho một đối tượng tên C với tiền công là 30.000.000 đồng; sau đó, Y rủ Lương Thị T cùng tham gia vận chuyển thì T đồng ý. Ngày 23/8/2018, Y và T cùng đi sang thị trấn Attapur, Lào để vận chuyển trái phép 01 gói ma túy dạng đá (là Methamphetamine, có khối lượng 1012,6793 gam) về Việt Nam như đã thỏa thuận

trước đó. Bên cạnh đó, Y được một đối tượng người Lào cho 03 gói ma túy, gồm 367 viên nén để sử dụng, Y đã chia ra tự cất giấu trong người 53 viên (là Methamphetamine, có khối lượng 5,3632 gam) và nhờ T cất giấu giúp 314 viên (là Methamphetamine, có khối lượng 31,6421gam). Khi đến cửa khẩu quốc tế B thì bị lực lượng chức năng bắt quả tang thu giữ toàn bộ tang vật nêu trên.

[2]. Với hành vi phạm tội như trên, Tòa án cấp sơ thẩm quy kết các bị cáo Y và Lương Thị T vận chuyển trái phép chất ma túy là Methamphetamine với khối lượng 1012,6793 gam; quy kết Y tàng trữ trái phép 367 viên nén ma túy là Methamphetamine với khối lượng 37,0053 gam và Lương Thị T tàng trữ trái phép 314 viên nén ma túy là Methamphetamine với khối lượng 31,6421 gam và tuyên các bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Methamphetamine có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam) và tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm b, khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Methamphetamine có khối lượng 100 gam trở lên) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo thấy:

- Đối với bị cáo Y: Hành vi phạm tội của bị cáo là hết sức nguy hiểm, ngoài việc trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo còn rủ rê người khác phạm tội và số lượng ma túy bị cáo vận chuyển trái phép là rất lớn, nếu không bị các cơ quan chức năng bắt giữ quả tang thì việc tiêu thụ khối lượng ma túy lớn như trên sẽ gây ra những hậu quả rất xấu trong đời sống xã hội; ngoài ra, số lượng ma túy bị cáo tàng trữ trái phép để sử dụng với khối lượng lớn nên cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc mới đủ tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Bị cáo bị kết tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm b, khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt từ 10 năm đến 15 năm và tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo điểm b, khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 2015, có khung hình phạt từ 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá đúng tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo và đã xem xét áp dụng đúng, đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, tuyên phạt bị cáo 12 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tù chung thân về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là tù chung thân; mức hình phạt trên là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nên không nặng. Do đó, kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo vì hoàn cảnh gia đình khó khăn là không có căn cứ để xem xét chấp nhận.

- Đối với bị cáo Lương Thị T: Hành vi phạm tội của bị cáo là hết sức nguy hiểm, mặc dù bị cáo phạm tội do bị rủ rê, nhưng khi Thao rủ thì hai bên thống nhất là số tiền công nhận được sẽ chia đôi và bị cáo đã cùng với Thao thực hiện hành vi phạm tội một cách tích cực, cùng nhau vận chuyển trái phép chất ma túy với khối lượng là rất lớn; ngoài ra, số lượng ma túy bị cáo tàng trữ trái phép giúp Thao để cùng sử dụng với khối lượng lớn nên cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc mới đủ tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Bị cáo bị kết tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm b, khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt từ 10 năm đến 15 năm và tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo điểm b, khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 2015, có khung hình phạt từ 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình. Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá đúng tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo và đã xem xét áp dụng đúng, đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, tuyên phạt bị cáo 10 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 20 năm tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 30 năm tù; mức hình phạt trên là tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo nên không nặng. Do đó, kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo do hoàn cảnh gia đình khó khăn cũng không có căn cứ để xem xét chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Y xuất trình các tài liệu photo về gia đình có ông bà ngoại có công cách mạng, tuy nhiên hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, nên không có căn cứ để xem xét kháng cáo của bị cáo.

Do không được chấp nhận kháng cáo, nên các bị cáo Y, Lương Thị T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Y và Lương Thị T; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 04/2019/HSST ngày 23/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 249; điểm b khoản 4 Điều 250; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 38; Điều 39 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Y 12 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tù chung thân về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là tù chung thân. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/8/2018.

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 249; điểm b khoản 4 Điều 250; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lương Thị T 10 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 20 năm tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 30 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/8/2018.

2. Mỗi bị cáo Y và Lương Thị T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2019/HSST ngày 23/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Kon Tum;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan CSTHAHS - CA tỉnh Kon Tum;
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Cục THADS tỉnh Kon Tum;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Minh Tuấn